

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và
công nghệ cấp bộ mở mới thuộc 03 Chương trình
khoa học và công nghệ trọng điểm cấp bộ giai đoạn 2021 - 2025**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2736/QĐ-BTNMT ngày 4 tháng 12 năm 2020 về việc phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp bộ “Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường giai đoạn 2021-2025”, mã số TNMT.01/21-25;

Căn cứ Quyết định số 2738/QĐ-BTNMT ngày 4 tháng 12 năm 2020 về việc phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp bộ “Nghiên cứu, ứng dụng phát triển công nghệ mới, tiên tiến trong công tác điều tra cơ bản về tài nguyên thiên nhiên, quan trắc, dự báo, cảnh báo tài nguyên và môi trường giai đoạn 2021-2025”, mã số TNMT.02/21-25;

Căn cứ Quyết định số 2740/QĐ-BTNMT ngày 4 tháng 12 năm 2020 về việc phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp bộ “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong xây dựng, phát triển Chính phủ số và Chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường giai đoạn 2021 - 2025”, mã số TNMT.04/21-25.

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục 11 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ

mở mới thuộc chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp bộ giai đoạn 2021-2025, gồm:

1. Chương trình TNMT.01/21-25: 05 nhiệm vụ, trong đó tuyển chọn 03 nhiệm vụ và giao trực tiếp 02 nhiệm vụ;

2. Chương trình TNMT.02/21-25: 04 nhiệm vụ, trong đó tuyển chọn 03 nhiệm vụ và giao trực tiếp 01 nhiệm vụ;

3. Chương trình TNMT.04/21-25: 02 nhiệm vụ, trong đó tuyển chọn 01 nhiệm vụ và giao trực tiếp 01 nhiệm vụ.

Chi tiết các nhiệm vụ tại các Phụ lục 1, 2 và 3 kèm theo.

Điều 2. Giao Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức xét duyệt hồ sơ thuyết minh, thẩm định nội dung, dự toán kinh phí, trình phê duyệt các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ tại Điều 1 của Quyết định này theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các vụ: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch - Tài chính, Hợp tác quốc tế và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu VT, KHCN, VTP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ MỞ MỜI NĂM 2021

Thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp bộ “Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường giai đoạn 2021-2025”, mã số TNMT.01/21-25

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

| TT | Mã. tên nhiệm vụ | Mục tiêu | Các sản phẩm dự kiến đạt được | Đơn vị dự kiến tiếp nhận | Thời gian | Dự kiến kinh phí | Phương thức thực hiện |
|----|--|--|--|---------------------------------|-----------|------------------|--|
| 1 | TNMT.2021.01.05: Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất nội dung quy định về quản lý hoạt động lấn biển, phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam. | <p>1. Đánh giá được thực trạng việc tiến hành các dự án lấn biển và tình hình quản lý về các hoạt động có liên quan đến lấn biển tại Việt Nam.</p> <p>2. Đúc rút được bài học kinh nghiệm quản lý các hoạt động lấn biển tại một số quốc gia trên thế giới và các điều ước quốc tế có liên quan đến hoạt động lấn biển.</p> <p>3. Có được cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất các giải pháp quản lý các hoạt động lấn biển phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học tại Việt Nam.</p> | <p>1. Báo cáo thực trạng việc tiến hành các dự án lấn biển và tình hình quản lý về các hoạt động có liên quan đến lấn biển tại Việt Nam.</p> <p>2. Kinh nghiệm quản lý các hoạt động lấn biển tại một số quốc gia trên thế giới và các điều ước quốc tế có liên quan đến hoạt động lấn biển.</p> <p>3. Dự thảo đề xuất một số nội dung trong quy định về hoạt động lấn biển.</p> <p>4. 02 bài báo khoa học tạp chí chuyên ngành.</p> | Viện Nghiên cứu biển và hải đảo | 12 tháng | 1.600 triệu đồng | Giao trực tiếp cho Viện Nghiên cứu biển và hải đảo |

| TT | Mã. tên nhiệm vụ | Mục tiêu | Các sản phẩm dự kiến đạt được | Đơn vị dự kiến tiếp nhận | Thời gian | Dự kiến kinh phí | Phương thức thực hiện |
|----|---|--|---|---|-----------|------------------|--|
| 2 | TNMT.2021.01.06: Nghiên cứu đề xuất định hướng đổi mới, hoàn thiện cấu trúc của Luật Đất đai nhằm sửa đổi Luật Đất đai năm 2013 và tiến tới xây dựng Bộ Luật Đất đai. | <p>1. Xác định được cơ sở khoa học xây dựng khung cấu trúc Luật Đất đai.</p> <p>2. Đề xuất hoàn thiện khung cấu trúc của Luật Đất đai 2013 đảm bảo tính phù hợp, hiện đại, hội nhập.</p> | <p>1. Báo cáo về cấu trúc một số luật, bộ luật trên thế giới và kinh nghiệm quốc tế có thể áp dụng cho Việt Nam.</p> <p>2. Báo cáo so sánh, đánh giá cấu trúc của Luật đất đai năm 2013 với một số luật, bộ luật hiện hành của Việt Nam (Bộ Luật dân sự, Luật Nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản, Luật lâm nghiệp,...).</p> <p>3. Báo cáo đánh giá mối quan hệ hữu cơ giữa Luật Đất đai hiện hành và các Luật có liên quan đến Luật Đất đai (Bộ Luật Dân sự, Luật Nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản, Luật lâm nghiệp...) từ đó đề xuất bổ sung các quan hệ xã hội cần đưa vào Luật Đất đai năm 2013 sửa đổi.</p> <p>4. Dự thảo khung cấu trúc của Luật Đất đai 2013 sửa đổi.</p> <p>5. Báo cáo đề xuất khung cấu trúc của Bộ Luật Đất đai.</p> <p>6. 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</p> | Vụ Chính sách và Pháp chế, Tổng cục Quản lý đất đai | 12 tháng | 1.450 triệu đồng | Giao trực tiếp cho Viện Nghiên cứu quản lý đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai |
| 3 | TNMT.2021.01.08: Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất đổi mới các phương pháp định giá đất bảo đảm việc | <p>1. Xác định cơ sở khoa học, kinh nghiệm định giá đất cụ thể theo thửa đất chuẩn của một số quốc gia trên thế giới và khả năng ứng dụng</p> | <p>1. Báo cáo nghiên cứu kinh nghiệm định giá đất cụ thể theo thửa đất chuẩn của một số quốc gia và khả năng ứng dụng cho Việt Nam.</p> <p>2. Báo cáo đánh giá thực trạng áp dụng các phương pháp định giá đất theo quy định của</p> | Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất, Tổng cục Quản lý đất đai | 18 tháng | 1.800 triệu đồng | Tuyển chọn |

| TT | Mã. tên nhiệm vụ | Mục tiêu | Các sản phẩm dự kiến đạt được | Đơn vị dự kiến tiếp nhận | Thời gian | Dự kiến kinh phí | Phương thức thực hiện |
|----|---|--|---|---|-----------|------------------|-----------------------|
| | định giá đất cụ thể phù hợp với giá đất thị trường. | trong công tác định giá đất của Việt Nam. 2. Đề xuất sửa đổi, hoàn thiện các quy định pháp luật về định giá đất đảm bảo phù hợp với giá đất thị trường. | Pháp luật hiện hành. 3. Báo cáo đề xuất sửa đổi, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quy định về định giá đất theo hướng định giá đất theo thửa đất chuẩn đảm bảo định giá đất cụ thể phù hợp với giá đất thị trường. 4. 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành. | | | | |
| 4 | TNMT.2021.01.09: Nghiên cứu cơ sở khoa học, đề xuất đổi mới mô hình tổ chức cơ quan quản lý đất đai các cấp đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp 4.0 và góp phần xây dựng Chính phủ điện tử. | 1. Đánh giá được thực trạng tổ chức bộ máy cơ quan quản lý đất đai các cấp từ trung ương đến địa phương cùng mức độ đáp ứng yêu cầu của cách mạng 4.0 và xây dựng Chính phủ điện tử. 2. Đề xuất hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy cơ quan quản lý đất đai các cấp từ trung ương đến địa phương nhằm xây dựng hệ thống quản lý đất đai hiện đại, góp phần xây dựng Chính phủ điện tử. | 1. Báo cáo tổng quan về cơ sở lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế về mô hình tổ chức bộ máy cơ quan quản lý đất đai các cấp dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. 2. Báo cáo đánh giá thực trạng tổ chức bộ máy cơ quan quản lý đất đai các cấp hiện hành, chức năng nhiệm vụ của từng cấp cùng mức độ phù hợp trong đáp ứng yêu cầu của Cách mạng 4.0 và xây dựng Chính phủ điện tử. 3. Báo cáo thực trạng áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị đất đai hiện đại từ trung ương tới địa phương. 4. Báo cáo đề xuất đổi mới mô hình tổ chức, các quy định có liên quan về cơ quan quản lý đất đai các cấp phù hợp với yêu cầu về quản lý đất đai trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0. 5. 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành. | Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Quản lý đất đai | 13 tháng | 1.650 triệu đồng | Tuyển chọn |

| TT | Mã. tên nhiệm vụ | Mục tiêu | Các sản phẩm dự kiến đạt được | Đơn vị dự kiến tiếp nhận | Thời gian | Dự kiến kinh phí | Phương thức thực hiện |
|----|---|--|---|---|-----------|------------------|-----------------------|
| 5 | TNMT.2021.01.14: Nghiên cứu đề xuất đổi mới cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng đất cơ sở tôn giáo tại Việt Nam | <p>1. Đánh giá được thực trạng quản lý, sử dụng đất cơ sở tôn giáo (nghiên cứu điểm tại một số tỉnh thuộc khu vực miền Trung Việt Nam).</p> <p>2. Đề xuất đổi mới cơ chế, chính sách về quản lý và sử dụng đất cơ sở tôn giáo đảm bảo vừa củng cố khối đại đoàn kết toàn dân đồng thời góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai.</p> | <p>1. Báo cáo tổng quan về các cơ chế, chính sách hiện hành về quản lý và sử dụng đất cơ sở tôn giáo tại Việt Nam.</p> <p>2. Báo cáo đánh giá thực trạng quản lý, sử dụng đất cơ sở tôn giáo ở một số tỉnh thuộc khu vực miền Trung của Việt Nam.</p> <p>3. Đề xuất đổi mới cơ chế, chính sách về quản lý và sử dụng hiệu quả đất cơ sở tôn giáo tại Việt Nam (phục vụ sửa đổi luật đất đai năm 2013).</p> <p>4. 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước.</p> <p>5. Đào tạo 01 Thạc sĩ ngành Quản lý đất đai.</p> | <p>Tổng cục Quản lý đất đai, UBND và Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh miền Trung thuộc địa bàn nghiên cứu</p> | 15 tháng | 1.500 triệu đồng | Tuyển chọn |

DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ MỞ MỜI NĂM 2021

Thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp bộ “Nghiên cứu, ứng dụng phát triển công nghệ mới, tiên tiến trong công tác điều tra cơ bản về tài nguyên thiên nhiên, quan trắc, dự báo, cảnh báo tài nguyên và môi trường giai đoạn 2021-2025”, mã số TNMT.02/21-25

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

| TT | Mã. tên nhiệm vụ | Mục tiêu | Các sản phẩm dự kiến đạt được | Đơn vị dự kiến tiếp nhận | Thời gian | Dự kiến kinh phí | Phương thức thực hiện |
|----|---|---|---|---|-----------|------------------|---|
| 1 | TNMT.2021.02.08. Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng bộ tiêu chí và xác định các khu vực nhạy cảm về trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét trung du Việt Nam | 1. Đề xuất bộ tiêu chí đánh giá và khoanh định được các khu vực khu vực có nguy cơ cao, rất cao về trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét; 2. Đề xuất được danh sách các khu vực nhạy cảm cần tập trung điều tra, đánh giá chi tiết và cảnh báo sớm. | 1. Bộ tiêu chí đánh giá và khoanh định được các khu vực khu vực có nguy cơ cao, rất cao về trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét. 2. Bản đồ phân bố (tỷ lệ 1/5.000 và 1/10.000) các khu vực có nguy cơ cao, rất cao về trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét thuộc các vùng miền núi, trung du Việt Nam. 3. Danh sách các khu vực các khu vực nhạy cảm cần tập trung điều tra, đánh giá chi tiết và cảnh báo sớm. 4. 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành. 5. Hỗ trợ đào tạo sau đại học. | Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Tổng Cục Khí tượng Thủy văn; Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản; Viện KH KTTV&BĐKH | 24 tháng | 1.800 | Giao trực tiếp cho Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản |
| 2 | TNMT.2021.02.09. Nghiên cứu cơ sở khoa học để lựa chọn hệ phương pháp, mô hình phân vùng cảnh báo chi tiết và xác định ngưỡng mưa | 1. Lựa chọn được hệ phương pháp và mô hình phân vùng cảnh báo, ổn định mái dốc chi tiết (tỷ lệ 1:10.000, 1:5000, 1:2000 và 1:1000) về nguy cơ | 1. Báo cáo hệ phương pháp và mô hình phân vùng cảnh báo, ổn định mái dốc chi tiết (tỷ lệ 1:10.000, 1:5000, 1:2000 và 1:1000) về nguy cơ trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét khả thi áp dụng tại các khu vực nhạy cảm thuộc các vùng miền núi, trung du Việt Nam. | Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Tổng Cục Khí tượng Thủy văn; | 24 tháng | 2.400 | Tuyển chọn |

| TT | Mã. tên nhiệm vụ | Mục tiêu | Các sản phẩm dự kiến đạt được | Đơn vị dự kiến tiếp nhận | Thời gian | Dự kiến kinh phí | Phương thức thực hiện |
|----|---|--|--|--|-----------|------------------|-----------------------|
| | kích hoạt tại các khu vực nhạy cảm về trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam | trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét khả thi áp dụng tại các khu vực nhạy cảm thuộc các vùng miền núi, trung du Việt Nam; 2. Xác định ngưỡng mưa kích hoạt gây trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét tại các khu vực miền núi, trung du Việt Nam; 3. Áp dụng thử nghiệm mô hình tại một số khu vực nhạy cảm thuộc tỉnh Lào Cai. | 2. Ngưỡng mưa kích hoạt gây trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét tại các khu vực nhạy cảm thuộc các miền núi, trung du Việt Nam. 3. Quy trình áp dụng hệ phương pháp và mô hình phân vùng cảnh báo chi tiết (tỷ lệ 1:10.000, 1:5000, 1:2000 và 1:1000) theo các ngưỡng mưa gây trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét tại các khu vực nhạy cảm. 4. Báo cáo kết quả áp dụng thử nghiệm mô hình tại một số khu vực nhạy cảm thuộc tỉnh Lào Cai. 5. Bản đồ phân vùng cảnh báo chi tiết về nguy cơ (hệ số FS tại các vị trí sườn dốc; hoặc mức độ nhạy cảm tại các lưu vực nhỏ,...) theo các ngưỡng mưa gây trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét tại các khu vực nghiên cứu thử nghiệm; 6. 02 Bài báo; 7. Hỗ trợ đào tạo sau đại học. | Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản; Viện KH KTTV&BĐKH | | | |
| 3 | TNMT.2021.02.10. Nghiên cứu phân vùng rủi ro thiên tai do lũ quét, sạt lở đất đá do mưa tại khu vực miền núi, trung du Việt Nam | 1. Đề xuất được bộ tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro đối với lũ quét, sạt lở đất do mưa tại khu vực miền núi, trung du Việt Nam. 2. Xây dựng được bản đồ phân vùng rủi ro | 1. Bộ tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro đối với lũ quét, sạt lở đất do mưa tại khu vực miền núi, trung du Việt Nam. 2. Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai lũ quét, sạt lở đất do mưa cho các khu vực miền núi, trung du Việt Nam. 3. 02 Bài báo; 4. Hỗ trợ đào tạo sau đại học. | Tổng Cục Khí tượng Thủy văn; Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản; Viện KH KTTV&BĐKH | 24 tháng | 2.000 | Tuyển chọn |

| TT | Mã. tên nhiệm vụ | Mục tiêu | Các sản phẩm dự kiến đạt được | Đơn vị dự kiến tiếp nhận | Thời gian | Dự kiến kinh phí | Phương thức thực hiện |
|----|---|---|--|--|-----------|------------------|-----------------------|
| | | thiên tai lũ quét, sạt lở đất do mưa cho các khu vực miền núi, trung du Việt Nam. | | | | | |
| 4 | TNMT.2021.02.11. Nghiên cứu thiết kế và xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát để cảnh báo sớm theo thời gian thực về trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam | <p>1. Thiết kế, chế tạo và lắp đặt hệ thống quan trắc, giám sát tại các khu vực nhạy cảm phục vụ công tác cảnh báo sớm theo thời gian thực;</p> <p>2. Ứng dụng công nghệ viễn thám với cộng đồng dân cư địa phương để cập nhật thông tin thiên tai và cảnh báo sớm tới người dân về nguy cơ trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam;</p> <p>3. Áp dụng thử nghiệm hệ thống tại một số khu vực nhạy cảm thuộc tỉnh Lào Cai.</p> | <p>1. Báo cáo kết quả thiết kế và xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát để cảnh báo sớm theo thời gian thực về trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam.</p> <p>2. Công nghệ viễn thám với cộng đồng dân cư địa phương để cập nhật thông tin thiên tai và cảnh báo sớm tới người dân về nguy cơ trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam.</p> <p>3. Báo cáo kết quả áp dụng thử nghiệm tại một số khu vực nhạy cảm thuộc tỉnh Lào Cai.</p> <p>4. 02 Bài báo.</p> <p>5. Hỗ trợ đào tạo sau đại học.</p> | Tổng Cục Khí tượng Thủy văn; Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản; Viện KH KTTV&BDKH | 24 tháng | 1.800 | Tuyển chọn |

DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ MỞ MỜI NĂM 2021

Thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp bộ “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong xây dựng, phát triển Chính phủ số và Chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường giai đoạn 2021 - 2025”, mã số TNMT.04/21-25

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

| TT | Mã, tên nhiệm vụ | Mục tiêu | Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được | Đơn vị dự kiến tiếp nhận | Thời gian | Dự kiến kinh phí | Phương thức thực hiện |
|----|--|---|---|--|-----------|------------------|-----------------------|
| 1 | TNMT.2021.04.06. Nghiên cứu thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin - cảnh báo sớm trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét theo thời gian thực khu vực miền núi, trung du Việt Nam | 1. Thiết kế, xây dựng được hệ thống cập nhật thông tin phục vụ công tác cảnh báo sớm trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét theo thời gian thực khu vực miền núi, trung du Việt Nam. 2. Xây dựng quy trình tham gia và phối hợp giữa các cơ quan nghiên cứu, điều tra - quản lý - chính quyền và cộng đồng dân cư địa phương trong công tác điều tra, cập nhật thông tin và cảnh báo sớm về trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét. 3. Áp dụng thử nghiệm hệ thống tại một số khu vực nhạy cảm thuộc tỉnh Quảng Nam.. | 1. Báo cáo thuyết minh về cấu trúc và quy trình vận hành hệ thống quản lý và cập nhật thông tin phục vụ công tác cảnh báo sớm trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét theo thời gian thực khu vực miền núi, trung du Việt Nam. 2. Quy trình phối hợp giữa các cơ quan nghiên cứu, điều tra - quản lý - chính quyền và cộng đồng dân cư địa phương trong công tác điều tra, cập nhật thông tin và cảnh báo sớm về trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét. 3. Thiết kế hệ thống thông tin - cảnh báo sớm trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét. 4. Phần mềm quản lý thông tin cảnh báo sớm trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét theo thời gian thực. 5. Hướng dẫn sử dụng phần mềm. 6. Báo cáo kết quả áp dụng thử nghiệm hệ thống tại một số khu vực nhạy cảm thuộc tỉnh Quảng Nam. | Tổng cục Khí tượng thủy văn; Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam | 24 tháng | 8.500 | Tuyển chọn |

| TT | Mã, tên nhiệm vụ | Mục tiêu | Sản phẩm chủ yếu dự kiến đạt được | Đơn vị dự kiến tiếp nhận | Thời gian | Dự kiến kinh phí | Phương thức thực hiện |
|----|--|---|---|---|-----------|------------------|---|
| 2 | TNMT.2021.04.07. Nghiên cứu thiết kế và xây dựng hệ thống CSDL lớn dùng chung thống nhất liên ngành phục vụ công tác cảnh báo sớm trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét theo thời gian thực khu vực miền núi, trung du Việt Nam | <p>1. Thiết kế CSDL dữ liệu lớn (Big Data) phục vụ hệ thống quản lý thông tin - cảnh báo sớm trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét theo thời gian thực khu vực miền núi, trung du Việt Nam.</p> <p>2. Xây dựng và cập nhật được hệ thống CSDL dữ liệu lớn dùng chung thống nhất liên ngành phục vụ công tác cảnh báo sớm trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét theo thời gian thực khu vực miền núi, trung du Việt Nam.</p> <p>3. Phát triển ứng dụng (phần mềm thực hiện mô hình phân vùng, cảnh báo sớm theo thời gian thực); và thiết kế trang thông tin (WebGIS) phục vụ công tác cảnh báo trực tuyến trên các thiết bị thông minh, di động và các phương tiện thông tin đại chúng.</p> | <p>1. Báo cáo thiết kế CSDL lớn và các ứng dụng phục vụ công tác cảnh báo sớm trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét theo thời gian thực khu vực miền núi, trung du Việt Nam và tài liệu hướng dẫn sử dụng.</p> <p>2. Hệ thống CSDL lớn đã được cập nhật đến thời điểm hiện tại.</p> <p>3. Các ứng dụng (phần mềm thực hiện mô hình phân vùng, cảnh báo sớm theo thời gian thực); trang thông tin cảnh báo (WebGIS).</p> <p>4. Báo cáo thuyết minh quy trình vận hành hệ thống CSDL lớn dùng chung thống nhất liên ngành phục vụ công tác cảnh báo sớm trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét theo thời gian thực khu vực miền núi, trung du Việt Nam.</p> <p>5. Báo cáo hướng dẫn cơ chế phối hợp khai thác và cập nhật hệ thống CSDL lớn dùng chung phục vụ công tác cảnh báo sớm trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét theo thời gian thực khu vực miền núi, trung du Việt Nam.</p> <p>6. Báo cáo kết quả thử nghiệm.</p> | Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản; Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường | 24 tháng | 4.500 | Giao trực tiếp: 1) Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản 2) Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường |